

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước; Quyết định số 1417/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Chỉ đạo của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính và phân cấp, phân quyền; Quyết định số 661/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thành lập Ban Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, cải cách hành chính, chuyển đổi số và Đề án 06;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai với các nội dung như sau:

I. CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Cơ sở chính trị

a) Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII *một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả* đề ra nhiệm vụ, giải pháp: “Rà soát nhiệm vụ, quyền hạn để **phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý** giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương ...”; “... **quy định rõ cơ chế phân cấp, ủy quyền và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khi được phân cấp, ủy quyền** giữa các cấp chính quyền địa phương”.

b) Văn kiện Đại hội lần thứ XIII của Đảng xác định: “**Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương; khắc phục triệt để chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn**; bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất; đồng thời, phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành”.

c) Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới tiếp tục xác định quan điểm: “**làm rõ hơn nữa chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, gắn với nêu cao trách nhiệm của tổ chức và cá nhân, nhất là người đứng đầu**”.

d) Kết luận số 155-KL/TW ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung thực hiện về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính từ nay đến ngày 30/6/2025 đã chỉ đạo: “*Rà soát, **thực hiện phân cấp, phân quyền giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan bảo đảm đồng bộ, tổng thể, liên thông, không bỏ sót hoặc chồng lấn, giao thoa nhiệm vụ***”.

2. Cơ sở pháp lý

- a) Luật Tổ chức chính quyền địa phương.
- b) 28 Nghị định của Chính phủ về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền giữa Chính phủ và chính quyền địa phương 02 cấp.
- c) Các văn bản Luật, Nghị định, Thông tư chuyên ngành quy định về phân cấp, ủy quyền.
- d) Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2021 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.
- đ) Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước.
- e) Quyết định số 1417/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về thành lập Ban Chỉ đạo của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính và phân cấp, phân quyền.

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- a) Triển khai thực hiện có hiệu quả các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về đẩy mạnh và hoàn thiện cơ chế phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước trên cơ sở tuân thủ các quy định của Hiến pháp năm 2013 gắn với hoàn thiện thể chế; bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất, thông suốt.
- b) Tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền để góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu năng, hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền; phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, nhất là người đứng đầu gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước.
- c) Xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, trong sạch, kiến tạo và phục vụ nhân dân.

2. Yêu cầu

- a) Việc thực hiện phân cấp, ủy quyền gắn với đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình, bảo đảm nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật của cơ quan hành chính nhà nước.
- b) Việc phân cấp, ủy quyền phải đi đôi với bảo đảm cơ sở vật chất, nguồn lực tài chính để tổ chức thực hiện có hiệu quả, phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng địa bàn và yêu cầu quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực.

c) Xác định rõ các nhiệm vụ, trách nhiệm chủ trì, phối hợp và tiến độ thời gian, yêu cầu chất lượng trong triển khai thực hiện, đồng thời kế thừa và phát huy hiệu quả các quy định hợp lý về phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền; đảm bảo quản lý nhà nước thống nhất, thông suốt.

d) Các cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (viết tắt là các sở, ban, ngành) và Ủy ban nhân dân các xã, phường (viết tắt là chính quyền cấp xã) được giao nhiệm vụ chủ trì hoặc tham gia phối hợp thực hiện các nội dung phải bảo đảm tiến độ và chất lượng theo nhiệm vụ được phân công.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Các sở, ban, ngành và chính quyền cấp xã thực hiện tuyên truyền, quán triệt quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của tại các Nghị quyết, Kết luận của Đảng, Chính phủ; nhận thức đầy đủ, sâu sắc về nhiệm vụ, quyền hạn của mình và thực hiện hiệu lực, hiệu quả các nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền.

2. Các sở, ban, ngành rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các cơ chế, quy định về phân cấp, ủy quyền một số nhiệm vụ quản lý nhà nước bảo đảm quản lý thống nhất, hiệu lực, hiệu quả hoạt động; đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực.

3. Xác định rõ trách nhiệm giữa Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh với các sở, ban, ngành và chính quyền cấp xã đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đúng thẩm quyền.

4. Gắn phân cấp, ủy quyền với việc tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; triển khai thực hiện dịch vụ công trực tuyến thực chất, hiệu quả.

5. Rà soát lại tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, điều chỉnh số lượng biên chế, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức để thực hiện có hiệu quả các quy định về phân cấp, ủy quyền trong quản lý nhà nước, bảo đảm chuyển giao nhiệm vụ gắn với chuyển giao tổ chức bộ máy và biên chế; tăng cường trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thực thi công vụ và trách nhiệm của người đứng đầu

6. Bố trí đủ nguồn lực và điều kiện cần thiết khác để các cơ quan, tổ chức sau khi được sắp xếp, kiện toàn có đủ điều kiện thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật.

7. Hoàn thiện các quy định về quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn, tiêu chí, điều kiện, định mức kinh tế - kỹ thuật, giá, phí đối với các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực. Trên cơ sở đó, phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm hoàn thành chỉ tiêu được giao; tiếp tục rà soát, đơn giản hóa, loại bỏ các thủ tục thỏa thuận, chấp thuận, xin ý kiến, cho phép của cơ quan nhà nước cấp trên đối với những vấn đề đã được quản lý trên cơ sở quy hoạch và xác định rõ tiêu chuẩn, quy chuẩn, tiêu chí, điều kiện, định mức kinh tế - kỹ thuật và đã được phân cấp quản lý.

8. Tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát và kiểm soát quyền lực đối với sở, ban, ngành và chính quyền cấp xã trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước được phân cấp, ủy quyền bảo đảm thẩm quyền đi đôi với trách nhiệm, đặc biệt

là trách nhiệm giải trình trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành

a) Chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật về phân cấp, các văn bản ủy quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật về phân cấp thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực phụ trách bảo đảm thời gian theo **Phụ lục danh mục một số nhiệm vụ quản lý nhà nước thực hiện phân cấp, ủy quyền** kèm theo Kế hoạch này.

b) Định kỳ đánh giá việc thực hiện các nội dung đã phân cấp, ủy quyền và đề xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với trình độ quản lý, khả năng và điều kiện thực hiện phân cấp, ủy quyền trong từng giai đoạn đối với từng ngành, lĩnh vực, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 01 tháng 6 và ngày 01 tháng 12 hằng năm. Trường hợp cần thiết phải điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi để phù hợp với yêu cầu tình hình thực tế thì chủ động báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. Trường hợp Trung ương có quy định mới thì thực hiện theo quy định của Trung ương.

c) Theo dõi, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã phân cấp, ủy quyền bảo đảm các nội dung phân cấp, ủy quyền được thực hiện hiệu lực, hiệu quả; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đối với nội dung tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền phân cấp, ủy quyền trong trường hợp không bảo đảm điều kiện thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp, ủy quyền theo quy định pháp luật.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và chính quyền cấp xã, tham khảo mô hình ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội¹ và các tỉnh, thành khác để tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt Phương án ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính phù hợp với điều kiện tình hình thực tế của tỉnh, rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức. Trong đó, nêu rõ mục tiêu từng năm trong giai đoạn 2026-2030; lộ trình, phương án thực hiện cụ thể để chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, chính quyền cấp xã thực hiện. Hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 năm 2025.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh đánh giá, đề xuất các nội dung hoàn thiện Quy chế phối hợp công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh để nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên trong quá trình đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền.

¹ Công văn số 5143/BNV-TCBC ngày 11 tháng 9 năm 2023 của Bộ Nội vụ về việc nhân rộng mô hình phân cấp của UBND thành phố Hà Nội để áp dụng tại các tỉnh, thành phố.

3. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành và chính quyền cấp xã rà soát lại tổ chức bộ máy, vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị, xác định biên chế phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn được giao để đảm bảo thực hiện tốt nhiệm vụ phân cấp, ủy quyền, đồng thời bảo đảm thực hiện tinh giản biên chế theo quy định.

b) Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện và những vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện.

c) Tổng hợp tình hình thực hiện phân cấp, ủy quyền một số nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa Ủy ban nhân dân tỉnh với chính quyền cấp xã và giữa Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh với các sở, ban, ngành.

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì tham mưu xây dựng, hoàn thiện, đổi mới phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, bảo đảm công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình; hướng dẫn và thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản có liên quan trong quản lý nhà nước về lĩnh vực tài chính; phát huy tính chủ động, đổi mới của ngân sách địa phương theo phương châm “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” nhằm tạo điều kiện cho chính quyền cấp xã linh hoạt, sáng tạo trong sử dụng các nguồn lực hợp pháp phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh; rà soát, đánh giá nguồn lực ngân sách để thực hiện quy định phân cấp, ủy quyền; đánh giá việc tiết kiệm ngân sách khi thực hiện phân cấp.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu phân chia giữa các cấp ngân sách của tỉnh bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh theo Kế hoạch này. Thời hạn hoàn thành: trình Hội đồng nhân dân tỉnh kỳ họp tháng 12 năm 2025.

5. Thanh tra tỉnh

Tăng cường triển khai và tham gia nghiên cứu, hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực trong quá trình thực hiện chức năng thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực theo quy định pháp luật; chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan thanh tra, kiểm tra việc thực thi, chấp hành các quy định của pháp luật về phân cấp, ủy quyền một số nhiệm vụ quản lý nhà nước tại các cơ quan, địa phương khi được giao nhiệm vụ bảo đảm khách quan, công khai, kịp thời, chính xác.

6. Chính quyền cấp xã

Triển khai các nhiệm vụ được phân cấp, ủy quyền theo Kế hoạch này phù hợp với quy định pháp luật. Chủ động đề xuất cơ quan có thẩm quyền bảo đảm các điều kiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn phân cấp, ủy quyền. Đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp,

ủy quyền cho mình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn phù hợp với khả năng nếu có nhu cầu và đáp ứng các yêu cầu về tài chính, nguồn nhân lực và điều kiện cần thiết khác.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện phân cấp, ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Thủ trưởng các các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, giải quyết theo quy định./. 

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và ĐVSNCL trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, C7. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Anh Tuấn

PHỤ LỤC
Danh mục một số nhiệm vụ quản lý nhà nước thực hiện phân cấp, ủy quyền
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Bảng 1: Danh mục một số nhiệm vụ quản lý nhà nước do Hội đồng nhân dân tỉnh phân cấp

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
I	THẨM QUYỀN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN (HĐND) TỈNH						
1	Sở Tài chính						
1.1	Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Gia Lai	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2025	Luật Ngân sách nhà nước	
1.2	HĐND tỉnh giao Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh quyết định việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của cấp huyện vào kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm của cấp xã	Sở Tài chính		Nghị quyết của HĐND tỉnh	Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2025	Điểm a, b khoản 4 Điều 7 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP	
1.3	HĐND tỉnh giao HĐND cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của cấp quyết định chủ trương đầu tư đối với chương trình đầu tư công đã được HĐND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư	Sở Tài chính		Nghị quyết của HĐND tỉnh	Kỳ họp HĐND tỉnh tháng 12/2025	Điểm a khoản 1 Điều 7 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP	

Bảng 2: Danh mục một số nhiệm vụ quản lý nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp, ủy quyền

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
II	THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND) TỈNH						
1	Phân cấp						
1.1	Sở Tài chính						
1.1.1	Ban hành quy định phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2025	Điểm b khoản 4 Điều 105 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025	
1.1.2	Quy định phân cấp thẩm quyền phê duyệt mức giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng, thân nhân người có công với cách mạng trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Tài chính	Các Sở, ngành và UBND các phường, xã	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2025	Khoản 1 Điều 60 Thông tư số 80/2021/TT-BTC ngày 29/9/2021 của Bộ Tài chính	Sở Tài chính đã có Công văn số 544/STC-QLGCS ngày 22/7/2025 gửi lấy ý kiến về chủ trương xây dựng dự thảo Quyết định
1.2	Sở Xây dựng						
1.2.1	Thẩm quyền chấp thuận vị trí, hướng tuyến, tổng mặt bằng của dự án đầu tư xây dựng tại khu vực không có yêu cầu lập quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Xây dựng	UBND cấp xã	Quyết định	Năm 2025	Khoản 4 Điều 7 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025	
1.2.2	Thẩm quyền lập, thẩm định và ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Xây dựng	UBND cấp xã	Quyết định	Năm 2025	Luật Kiến trúc; Mục 2 Chương II Nghị định 85/2020/NĐ-CP và Điều 17 Nghị định 140/2025/NĐ-CP	
1.2.3	Thẩm quyền về quản lý cây xanh đô thị	Sở Xây dựng	UBND cấp xã	Quyết định	Năm 2025	Điều 20 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025	
1.2.4	Thẩm quyền về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật	Sở Xây dựng	UBND cấp xã	Quyết định	Năm 2025	Điều 21, Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025	
1.2.5	Thẩm quyền về thoát nước và xử lý nước thải	Sở Xây dựng	UBND cấp xã	Quyết định	Năm 2025	Điều 22 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025	
1.2.6	Quyết định ban hành Quy định về cấp Giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh	Sở Xây dựng	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp xã và cơ quan có liên quan	Quyết định	Năm 2025	Khoản 1 Điều 4 và điểm b khoản 3 Điều 32 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
1.2.7	Quyết định Ban hành Quy định phân cấp và phân công trách nhiệm thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng và thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đối với dự án đầu tư xây dựng sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công do UBND tỉnh, cấp xã quyết định đầu tư (kể cả công tác thẩm định thiết kế về PCCC)	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp xã và cơ quan có liên quan	Quyết định	Năm 2025	Khoản 5 và khoản 6 Điều 7 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP	
1.2.8	Quyết định ban hành Quy định phân công, phân cấp quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh (kể cả công tác kiểm tra công tác nghiệm thu về PCCC)	Sở Xây dựng	Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp xã và cơ quan có liên quan	Quyết định	Năm 2025	Khoản 3 và điểm a khoản 5 Điều 8 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP	
1.2.9	Quyết định thực hiện việc quản lý, bảo vệ, thực hiện các biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi lấn chiếm đất dành cho đường sắt thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Nghị định số 56/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ	Sở Xây dựng	UBND cấp xã	Quyết định	Năm 2025	Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP	
1.3	Sở Công Thương						
1.3.1	Tổ chức cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất thuộc phạm vi quản lý của ngành Công Thương	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 2 Điều 2 và Khoản 1, Điều 7 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	
1.3.2	Ban hành văn bản đề nghị cấp giấy phép dịch vụ nổ mìn trên thềm lục địa hoặc dịch vụ nổ mìn có phạm vi hoạt động trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định tại điểm b khoản 4 Điều 40 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2024.	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 2 Điều 2 và Khoản 1 Điều 23 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
1.3.3	Cấp, cấp điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất tiền chất thuốc nổ quy định tại khoản 5 Điều 44 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 23 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; khoản 3 Thông tư 38/2025/TT-BCT.	
1.3.4	UBND tỉnh phân cấp cho Sở Công Thương thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện; phương án ứng phó tình huống khẩn cấp; phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện đối với các công trình thủy điện trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý, trừ các đối tượng quy định tại điểm a khoản 5 Điều 76 Luật Điện lực ngày 30/11/2024	Sở Công Thương	Các Sở, ngành có liên quan; UBND các xã, phường có công trình thủy điện	Quyết định	Năm 2025	Căn cứ điểm b khoản 5 Điều 76 Luật Điện lực ngày 30/11/2024	
1.3.5	UBND tỉnh phân cấp cho UBND cấp xã thẩm định, phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện; phương án ứng phó tình huống khẩn cấp; phương án bảo vệ đập, hồ chứa thủy điện trên địa bàn 01 xã	Sở Công Thương	Các Sở, ngành có liên quan; UBND các xã, phường có công trình thủy điện	Quyết định	Năm 2025	- Điểm b khoản 6 Điều 51 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 ; - Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 .	
1.4	Sở Nội vụ						
1.4.1	UBND tỉnh phân cấp cho Sở, ngành quản lý ngành, lĩnh vực quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật	Sở Nội vụ	Cơ quan chủ quản của đơn vị sự nghiệp	Quyết định	Quý I/2026	Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP	
1.4.2	UBND tỉnh phân cấp cho UBND xã quyết định phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật	Sở Nội vụ	UBND cấp xã	Quyết định	Quý I/2026	Khoản 2 Điều 14 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP	
1.4.3	Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép lao động và giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động theo quy định của pháp luật	Sở Nội vụ	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, cơ quan có liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	Năm 2025	Điều 4 Nghị định số 219/2025/NĐ-CP	
1.4.4	Phân cấp quản lý công chức, viên chức thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai	Sở Nội vụ			Tháng 10/2025	Điểm b, khoản 1 Điều 67 Nghị định số 170/2025/NĐ-CP	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
1.4.5	UBND tỉnh phân cấp cho Sở Nội vụ quyết định trợ cấp Mai táng phí đối với Quân nhân tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước có dưới 20 năm công tác trong Quân đội đã phục viên, xuất ngũ về địa phương theo Quyết định số 142/2008/QĐ-TTg ngày 27 tháng 10 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quyết định	quý I//2026	Khoản Mục V Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07/12/2005	Đối tượng tương tự như đối tượng của QĐ 290
1.4.6	UBND tỉnh phân cấp cho Sở Nội vụ quyết định trợ cấp mai táng phí cho đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế ở Campuchia, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quyết định	quý I//2026	Điều 8 Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ.	
1.4.7	UBND tỉnh phân cấp cho Sở Nội vụ quyết định mai táng phí cho đối tượng theo Quyết định 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 về chế độ, chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và nhà nước.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quyết định	quý I//2026	Khoản Mục V Thông tư liên tịch số 191/2005/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 07/12/2005	
1.4.8	UBND tỉnh phân cấp cho Sở Nội vụ quyết định mai táng phí cho đối tượng Thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến theo Quyết định số 40/2011/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quyết định	quý I//2026		
1.5	Sở Khoa học và Công nghệ						
1.5.1	Thủ tục xác định nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương liên quan	Quyết định UBND tỉnh quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Quý IV/2025	khoản 1 Điều 8 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước.	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
1.5.2	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương liên quan		Quý IV/2025	khoản 1 Điều 10 Thông tư số 09/2024/TT-BKH&CN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	
1.5.3	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ngành, địa phương liên quan		Quý IV/2025	khoản 2 Điều 24 Thông tư số 09/2024/TT-BKH&CN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	
1.5.4	UBND tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Cụ thể: (1) Đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; (2) Tổ chức đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; (3) Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh đặt hàng; (4) Thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; (5) Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ; (6) Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ; (7) Tổ chức phiên họp Hội đồng tuyển chọn; (8) Phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ; (9) Lưu giữ, quản lý hồ sơ và công khai thông tin; (10) Hủy kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ; (11) Phê duyệt thuyết minh và ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; (12) Kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; (13) Xử lý kết quả kiểm tra, đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; (14) Chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; (15) Nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; (16) Tổ chuyên gia thẩm định, đánh giá, nghiệm thu các mô hình, sản phẩm; (17) Xử lý kết quả đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương liên quan	Quyết định UBND tỉnh quy định quản lý nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Quý IV/2025	Khoản 1 Điều 5; Khoản 3 Điều 6; Khoản 1, khoản 2 Điều 8; Khoản 1, khoản 2 Điều 10; Khoản 4 Điều 12; khoản 4 Điều 13; Khoản 5, khoản 6 Điều 14; Khoản 1, khoản 3 Điều 16; Khoản 1, khoản 2 Điều 17; Khoản 1, khoản 3 Điều 18; Điều 19; khoản 1, khoản 2 Điều 20; khoản 2, khoản 3, khoản 5 Điều 21; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 22; khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 24; khoản 2 Điều 25; khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 30 Thông tư số 09/2024/TT-BKH&CN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	
2	Ủy quyền						
2.1	Sở Tài chính						

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.1.1	UBND tỉnh giao UBND cấp xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công đối với dự án đầu tư công đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện hoặc UBND cấp huyện quyết định chủ trương đầu tư	Sở Tài chính		Quyết định của UBND tỉnh	2025	Điểm b, Khoản 1, Điều 7 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP	
2.2	<i>Sở Xây dựng</i>						
2.2.1	Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch chung xã	Sở Xây dựng	UBND cấp xã	Quyết định	Dự kiến trong tháng 8/2025	Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	
2.2.2	Thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn đang được UBND cấp xã trước thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính tổ chức lập, thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	Sở Xây dựng	UBND cấp xã	Quyết định	Dự kiến trong tháng 8/2025	Khoản 4 Điều 13 Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	
2.3	<i>Sở Công Thương</i>						
2.3.1	Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 quy định tại khoản 1, điểm c, d khoản 3, điểm c khoản 4 Điều 11 và điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	
2.3.2	Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 quy định tại khoản 1, điểm c, d khoản 3, điểm c khoản 4, điểm d khoản 6 Điều 18 và điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	
2.3.3	Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đánh giá điều kiện thực tế và cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng 1 quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 1, khoản 2 Điều 8 và Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025;	
2.3.4	Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, đánh giá điều kiện thực tế, cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP do UBND cấp tỉnh thực hiện.	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 2 Điều 9 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	
2.3.5	Thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở sản xuất, kinh doanh hóa chất Bảng quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.	
2.3.6	Tiếp nhận hồ sơ cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 1 quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.	
2.3.7	Tiếp nhận hồ sơ cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3 quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.3.8	Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn, thu hồi theo thẩm quyền Giấy phép sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 2, hóa chất Bảng 3; tiếp nhận hồ sơ cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, gia hạn, thu hồi Giấy phép sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu hóa chất Bảng 1 quy định tại điểm b khoản 2 Điều 36 Nghị định số 33/2024/NĐ-CP	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.	
2.3.9	Cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG quy định tại khoản 1 Điều 44, Điều 45, khoản 2 Điều 46 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 2 Điều 16 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	
2.3.10	Cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini quy định tại khoản 1 Điều 44, Điều 45, khoản 2 Điều 46 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 3 Điều 16 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	
2.3.11	Cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, sửa chữa chai LPG và giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất chai LPG mini	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Điều 3 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025	
2.3.12	Cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại, thu hồi Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp có quy mô từ 03 triệu lít/năm trở lên quy định tại điểm a, điểm d khoản 1 Điều 25, khoản 2 Điều 33 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 1, Điều 20 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	
2.3.13	Tiếp nhận báo cáo tình hình sản xuất rượu thủ công bán cho cơ sở có Giấy phép sản xuất rượu để chế biến lại trên địa bàn xã trong lĩnh vực kinh doanh rượu quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Điều 13 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	
2.3.14	Huấn luyện, kiểm tra, cấp, cấp lại giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 6, Điều 9 và điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định số 181/2024/NĐ-CP	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 1, Điều 24 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	
2.3.15	Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các tổ chức, doanh nghiệp sử dụng vật liệu nổ trên địa bàn quản lý, trừ các tổ chức quy định tại điểm c khoản 2 Điều 4 thông tư số 23/2024/TT-BCT và các tổ chức thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 3 Điều 1 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.3.16	- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng liên quan của địa phương thực hiện kiểm tra hoạt động sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ trên địa bàn theo quy định của pháp luật; theo dõi, kiểm tra, giám sát việc sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và dịch vụ nổ mìn theo thông báo của tổ chức, doanh nghiệp để đảm bảo an ninh, an toàn. - Cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép, giấy chứng nhận quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 23/2024/TT-BCT. - Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn việc thực hiện các quy định pháp luật trong quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ đối với các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trên địa bàn quản lý. <i>(Không bao gồm nhiệm vụ, thẩm quyền thanh tra; Không bao gồm thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của UBND tỉnh)</i>	Sở Công Thương	Công an tỉnh; UBND cấp xã	Quyết định	Năm 2025	- Khoản 9; Khoản 10 Điều 1 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025 - Khoản 6 Điều 70 Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ	
2.3.17	- Báo cáo Bộ Công Thương: a) Tình hình quản lý, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh trước ngày 30 tháng 6 đối với báo cáo sáu tháng, trước ngày 30 tháng 12 đối với báo cáo năm theo quy định tại Mẫu số 03 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT; b) Sau khi tiếp nhận báo cáo đột xuất của tổ chức, doanh nghiệp quy định tại khoản 4 Điều 17 Thông tư này, trong thời hạn 24 giờ phải báo cáo theo Mẫu số 05 Phụ lục X ban hành kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BCT. - Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về xây dựng và phòng cháy, chữa cháy ở địa phương đối với công trình sản xuất, kho chứa vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ theo thẩm quyền quy định của pháp luật về xây dựng và phòng cháy, chữa cháy (đối với nội dung Sở Công Thương là cơ quan chuyên môn về xây dựng).	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 10 Điều 1 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025	
2.3.18	Cấp, cấp lại chứng chỉ kiểm định viên thuộc thẩm quyền quản lý ngành, lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 42 Nghị định số 44/2016/NĐ-CP	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 1 Điều 27 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	
2.3.19	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước, cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng; kết luận cuối cùng khi có sự khác biệt về kết quả kiểm nghiệm giữa các cơ sở kiểm nghiệm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý quy định tại khoản 8 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP, Điều 25 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 3 Điều 37 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	
2.3.20	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương quy định tại khoản 6 Điều 39 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 5 Điều 37 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.3.21	Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đánh giá các cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng về năng lực tổ chức thực hiện kiểm chứng an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm được phân công quản lý theo Thông tư số 40/2013/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2013.	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 1 Điều 15 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025	
2.3.22	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với các cơ sở thực phẩm quy định tại Khoản 1, Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 1 Điều 16 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025	
2.3.23	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với các cơ sở thực phẩm quy định tại Khoản 2, Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 2 Điều 16 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025	
2.3.24	- Hướng dẫn thực hiện Thông tư số 43/2018/TT-BCT. - Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở, xem xét cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 43/2018/TT-BCT theo tình hình thực tế tại địa phương; - Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ đăng ký, tổ chức đánh giá, xem xét, quyết định chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước, cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; - Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ, thẩm định thực tế tại cơ sở cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh quy định tại điểm b, điểm d khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 43/2018/TT-BCT; - Định kỳ hàng năm báo cáo Bộ Công Thương kết quả cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 43/2018/TT-BCT; danh sách các cơ sở thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Công Thương không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm; báo cáo kết quả thu hồi và xử lý sản phẩm sau thu hồi theo quyết định thu hồi bắt buộc của cơ quan có thẩm quyền tại địa phương, kết quả chỉ định cơ quan kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm nhập khẩu; chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước, cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.”	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 3 Điều 16 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025	
2.3.25	UBND tỉnh cấp 01 Giấy chứng nhận cho cơ sở kinh doanh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT. Cơ quan có thẩm quyền tại địa phương cấp 01 Giấy chứng nhận cho chuỗi siêu thị mini và cửa hàng tiện lợi theo quy định pháp luật có diện tích tương đương siêu thị mini theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 4 Điều 16 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.3.26	- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức có liên quan tổ chức phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện mục 2, mục 3, mục 4, mục 5 và mục 6 Nghị định số 77/2016/NĐ-CP tại địa phương. - Tổ chức thực hiện mục 2, mục 3, mục 4, mục 5 và mục 6 Chương VI Nghị định số 77/2016/NĐ-CP tại địa phương	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Điều 17 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025	
2.3.27	Quản lý nhà nước về kiểm nghiệm thực phẩm thực hiện việc tổ chức tiếp nhận hồ sơ đăng ký, đánh giá, chỉ định, kiểm tra, giám sát cơ sở kiểm nghiệm tương ứng với phạm vi quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm được phân công theo quy định tại Điều 21a Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Điều 18 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025	
2.3.28	Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp và thừa nhận kết quả đánh giá sự phù hợp tại Điều 18 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP, cụ thể: - Chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện việc thử nghiệm, giám định, chứng nhận, kiểm định phục vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc nhiệm vụ quyền hạn của Bộ Công Thương. - Công bố công khai danh sách tổ chức đánh giá sự phù hợp được chỉ định và tổ chức đánh giá sự phù hợp có kết quả đánh giá sự phù hợp được thừa nhận theo quy định khoản 2 Điều 26 của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa để cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan lựa chọn sử dụng.	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	
2.3.29	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp đối với sản phẩm, hàng hóa, quá trình sản xuất, cung ứng dịch vụ, quá trình, môi trường thuộc trách nhiệm, quản lý nhà nước của Bộ Công Thương tại Điều 4 Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 1 Điều 39 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.3.30	Thực hiện trách nhiệm của UBND tỉnh quy định tại Điều 9 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025, gồm: - Thực hiện cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa. - Thực hiện việc công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Sở Công Thương danh sách các tổ chức kiểm định và thông tin về Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Công Thương trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện. - Thực hiện kiểm tra hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật thiết bị, dụng cụ điện của tổ chức kiểm định, các tổ chức, cá nhân sử dụng, vận hành thiết bị, dụng cụ điện trên địa bàn quản lý. <i>(Không bao gồm hoạt động thanh tra quy định tại Điều 19 Thông tư số 02/2025/TT-BCT)</i>	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Điều 9 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.3.31	Thực hiện trách nhiệm của UBND tỉnh tại Khoản 5 Điều 10 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025, Gồm: - Thực hiện thủ tục cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp (hoạt động thử nghiệm, chứng nhận, giám định, kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa); Kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được cấp Giấy chứng nhận. - Thực hiện thủ tục cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp thực hiện việc thử nghiệm, chứng nhận, giám định, kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa; Kiểm tra, giám sát hoạt động của các tổ chức đánh giá sự phù hợp đã được chỉ định. - Cập nhật Danh sách Tổ chức đánh giá sự phù hợp đã cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đánh giá sự phù hợp; cấp, cấp sửa đổi, bổ sung, cấp lại quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp trên trang thông tin điện tử của Sở. - Cấp thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy và quản lý hồ sơ công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa. - Tổ chức, chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa (bao gồm quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, lưu thông trên thị trường và trong quá trình sử dụng). - Báo cáo Bộ Công Thương về tình hình quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa thuộc phạm vi được phân công quản lý (Báo cáo định kỳ hàng năm và Báo cáo đột xuất). <i>(Không bao gồm nhiệm vụ xử lý vi phạm về tổ chức đánh giá sự phù hợp và quản lý chất lượng sản phẩm hàng hoá thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh)</i>	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 5 Điều 10 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025	
2.3.32	Thực hiện trách nhiệm của UBND tỉnh quy định tại Khoản 3, Điều 4 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025, gồm: - Chấp thuận các tài liệu quản lý an toàn đối với các công trình dầu khí trên địa bàn trừ các công trình có quy mô tại khoản 1 Điều 27 Thông tư này. - Kiểm tra, việc thực hiện nội dung các tài liệu về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật”. <i>(Không bao gồm nhiệm vụ Thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh)</i>	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Khoản 3, Điều 4 Thông tư 38/2025/TT-BCT ngày 19/6/2025	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.3.33	Thực hiện trách nhiệm của UBND cấp tỉnh tại Điều 11 Thông tư số 24/2025/TT-BCT ngày 13/5/2025, gồm: - Tổ chức tiếp nhận, kiểm tra, đánh giá và phê duyệt hồ sơ đề nghị phê duyệt kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản bằng phương pháp hầm lò của các doanh nghiệp thuộc thẩm quyền. - Tuyên truyền, phổ biến và hướng dẫn việc thực hiện các quy định trong việc lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền. - Kiểm tra công tác lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh. (Không bao gồm thẩm quyền xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo thẩm quyền về lập, phê duyệt và thực hiện kế hoạch quản lý rủi ro trong khai thác khoáng sản của UBND tỉnh)	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Điều 11 Thông tư số 24/2025/TT-BCT ngày 13/5/2025	
2.3.34	Thực hiện cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn về khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 43/2025/TT-BCT ngày 04/7/2025 của Bộ Công Thương ban hành quy định về kỹ thuật an toàn trong khai thác khoáng sản	Sở Công Thương		Quyết định	Năm 2025	Điều 7 Thông tư số 43/2025/TT-BCT ngày 04/7/2025	
2.3.35	Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND tỉnh tại khoản 3 Điều 7 và Khoản 2 Điều 44 Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu, gồm: - Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở, cảng trên địa bàn tỉnh theo quy định; - Kiểm tra, giám sát tổ chức thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu tại địa phương.	Sở Công Thương	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh; Công an tỉnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND cấp xã	Quyết định	Năm 2025	Khoản 3 Điều 7 và Khoản 2 Điều 44 Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021	
2.3.36	UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Công Thương thực hiện việc cấp giấy phép hoạt động điện lực trên địa bàn tỉnh đối với các lĩnh vực thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Sở Công Thương		Sở Công Thương đã đề xuất UBND tỉnh tại Công văn số 236/SCT-QLNL ngày 20/7/2025	20/7/2025	Căn cứ khoản 3 Điều 37 Luật Điện lực số 61/2024/QH15 và 2 Điều 22 Nghị định số 61/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025	
2.4	Sở Y tế						
2.4.1	Chỉ định cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhượng lại thuốc phải kiểm soát đặc biệt để bảo đảm đủ thuốc cho người bệnh	Sở Y tế		Quyết định	Quý IV/2025	Khoản 8 Điều 34 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP	
2.4.2	Thực hiện chế độ báo cáo thuốc phải kiểm soát đặc biệt: Tiếp nhận các báo cáo về thuốc phải kiểm soát đặc biệt của các cơ sở kinh doanh, sử dụng thuốc phải kiểm soát đặc biệt trên toàn tỉnh; Báo cáo việc quản lý, sử dụng thuốc tại địa phương về Bộ Y tế theo quy định.	Sở Y tế		Quyết định	Quý IV/2025	Điều 35 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.4.3	Thẩm quyền tiếp nhận thông báo và chứng kiến việc hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc	Sở Y tế		Quyết định	Quý IV/2025	Khoản 1, 2 Điều 36 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP	
2.4.4	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Sở Y tế		Quyết định	Đã hoàn thành (Quyết định số 1477/QĐ-UBND ngày 19/8/2025)	Điều 39 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP	
2.4.5	Cho phép nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có hạn dùng còn lại tại thời điểm thông quan ngắn hơn quy định	Sở Y tế		Quyết định	Quý IV/2025	Khoản 4 Điều 75 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP	
2.4.6	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh	Sở Y tế		Quyết định	Quý IV/2025	Khoản 6 Điều 62 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP	
2.4.7	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải là nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt	Sở Y tế		Quyết định	Quý IV/2025	Khoản 2 Điều 49 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP	
2.4.8	Tiếp nhận giấy tờ thông quan nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc có giấy đăng ký lưu hành tại Việt Nam, nguyên liệu làm thuốc thuộc danh mục dược chất, tá dược, vỏ nang, bán thành phẩm thuốc, bán thành phẩm dược liệu theo hồ sơ đăng ký thuốc đã có giấy đăng ký lưu hành thuốc tại Việt Nam của cơ sở kinh doanh dược, tổ chức, cá nhân cần nộp khi thông quan xuất khẩu, nhập khẩu thuốc, nguyên liệu làm thuốc	Sở Y tế		Quyết định	Quý IV/2025	Điểm i Khoản 2 Điều 83 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP	
2.4.9	Tiếp nhận thông báo về lô thuốc nhập khẩu của cơ sở nhập khẩu	Sở Y tế		Quyết định	Quý IV/2025	Điều 87 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP	
2.4.10	Tiếp nhận kết quả kiểm nghiệm xác định chất lượng thuốc trước khi lưu hành trong trường hợp kết quả kiểm nghiệm không đạt yêu cầu của cơ sở nhập khẩu	Sở Y tế		Quyết định	Quý IV/2025	Khoản 4 Điều 88 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.4.11	Trách nhiệm thu hồi nguyên liệu làm thuốc: a) Thông báo cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn về thông tin thu hồi nguyên liệu làm thuốc; b) Kiểm tra, giám sát việc tổ chức và thực hiện thu hồi nguyên liệu làm thuốc trên địa bàn, xử lý đơn vị vi phạm trên địa bàn; c) Báo cáo về Bộ Y tế về các trường hợp phát hiện cơ sở sản xuất, kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ việc thu hồi nguyên liệu làm thuốc.	Sở Y tế		Quyết định	Quý IV/2025	Khoản 5 Điều 101 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP	
2.4.12	- Tiếp nhận văn bản thông báo về thời gian và địa điểm kèm theo bản sao giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc đã được duyệt của cơ sở đã được cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc trước khi tiến hành quảng cáo thuốc thông qua phương tiện tổ chức hội thảo, hội nghị, sự kiện 03 ngày làm việc. - Tiếp nhận thông báo của cơ sở trong trường hợp có thay đổi về địa điểm, thời gian tổ chức quảng cáo thuốc đã được xác nhận trước khi tiến hành quảng cáo thuốc ít nhất 01 ngày làm việc.	Sở Y tế	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Quyết định	Quý IV/2025	Khoản 5 Điều 108 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP	
2.4.13	Thẩm quyền Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký thành lập và giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập	Sở Y tế		Quyết định	Quý IV/2025	- Khoản 1, 2 Điều 19 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP; - Nghị định số 147/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2072/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ Y tế; - Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND tỉnh Gia Lai.	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.4.14	Thẩm quyền Cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội	Sở Y tế		Quyết định	Quý IV/2025	- Điều 28 Nghị định số 103/2017/NĐ-CP; - Điều 12 Nghị định 147/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2072/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ Y tế; - Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND tỉnh Gia Lai.	
2.4.15	Thẩm quyền Cấp, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hành nghề công tác xã hội	Sở Y tế		Quyết định	Quý IV/2025	- Nghị định số 110/2024/NĐ-CP; - Điều 14 Nghị định số 147/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 2072/QĐ-BYT ngày 24/6/2025 của Bộ Y tế; - Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của UBND tỉnh Gia Lai.	
2.4.16	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Sở Y tế		Quyết định cấp Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Quý IV/2025	- Nghị định số 162/2025/NĐ- CP ngày 29/6/2025 ; - Quyết định số 2179 /QĐ-BYT ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; - Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai.	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.4.17	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Sở Y tế		Quyết định Cấp lại, sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.	Quý IV/2025	- Nghị định số 162/2025/NĐ- CP ngày 29/6/2025 ; - Quyết định số 2179 /QĐ-BYT ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; - Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai.	
2.4.18	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Sở Y tế		Quyết định chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Quý IV/2025	- Nghị định 162/2025/NĐ- CP ngày 29/6/2025 ; - Quyết định số 2179 /QĐ-BYT ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; - Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai.	
2.4.19	Cấp Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	Sở Y tế		Quyết định Cấp giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	Quý IV/2025	- Nghị định số 162/2025/NĐ- CP ngày 29/6/2025 ; Quyết định số 2179 /QĐ-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế; - Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai.	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.4.20	Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	Sở Y tế		Quyết định Cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép hoạt động hỗ trợ nạn nhân	Quý IV/2025	- Nghị định số 162/2025/NĐ- CP ngày 29/6/2025 ; - Quyết định số 2179 /QĐ-BYT ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế; - Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 04/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai.	
2.5	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh						
2.5.12	Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án có nội dung điều chỉnh tiến độ đầu tư quá 24 tháng đối với các dự án trong Khu kinh tế (ngoài khu công nghiệp) mà UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư sau khi có ý kiến của UBND tỉnh (trừ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf và dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất)	Ban Quản lý Khu kinh tế	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quyết định của UBND tỉnh	Quý III/2025	- Khoản 5 Điều'u 41 Luật đầu tư; - Điều 45 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư; - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24/4/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố danh mục TTHC thuộc chức năng quản lý của Bộ Tài Chính; - Điều 14 Luật tổ chức chính quyền địa phương.	
2.6.13	Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đối với các trường hợp còn lại trong khu công nghiệp và khu kinh tế mà UBND tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư (trừ dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh sân golf và dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất)	Ban Quản lý Khu kinh tế	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quyết định của UBND tỉnh	Quý III/2025		
2.7	Sở Khoa học và Công nghệ						
2.7.1	Cấp giấy phép thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam của tổ chức khoa học và công nghệ nước ngoài	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 14, Nghị định 133/NĐ-CP	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.7.2	Chấp thuận chuyển giao công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 11, Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.3	Cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 12, Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.4	Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 59, Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.5	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 59, Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.6	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ đánh giá công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 59, Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.7	Thủ tục Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 60, Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.8	Thủ tục Sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 60, Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.9	Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ giám định công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 60, Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.10	Xác nhận phương tiện vận tải chuyên dùng trong dây chuyền công nghệ sử dụng trực tiếp cho hoạt động sản xuất của dự án đầu tư	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 61, Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.11	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho tổ chức	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 65, Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.12	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động ứng dụng công nghệ cao cho cá nhân	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 67, Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.13	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 69, Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.14	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho tổ chức	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 71, Nghị định 133/NĐ-CP	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.7.15	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ cao cho cá nhân	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 73, Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.16	Cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 3, Thông tư 08/2025/TT-BKHCN ngày 21/6/2025	
2.7.17	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 5, Thông tư 08/2025/TT-BKHCN ngày 21/6/2025	
2.7.18	Cấp, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ viễn thông, buộc chấm dứt hoạt động cung cấp dịch vụ viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 4 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ	
2.7.19	Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh dịch vụ viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 18 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai	
2.7.20	Ngừng kinh doanh dịch vụ viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 19 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai	
2.7.21	Cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 20 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.7.22	Tiếp nhận thông báo cung cấp dịch vụ viễn thông	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 21 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai	
2.7.23	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 22 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai	
2.7.24	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 23 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai	
2.7.25	Gia hạn chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Sở Khoa học và Công nghệ	Không	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 24 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai	
2.7.26	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký kết nối để cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Sở Khoa học và Công nghệ	Không	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 25 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai	
2.7.27	Đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kết nối, yêu cầu tạm ngừng, ngừng kết nối hoặc từ chối kết nối với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động	Sở Khoa học và Công nghệ	Không	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 26 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.7.28	Phân bổ số thuê bao di động H2H theo phương thức đấu giá; việc giải quyết đề nghị hoàn trả số thuê bao di động H2H được phân bổ theo phương thức đấu giá	Sở Khoa học và Công nghệ	Không	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 27 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai	
2.7.29	Cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện đặt trên phương tiện nghề cá	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 28 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai.	
2.7.30	Cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài vô tuyến điện nghiệp dư	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 29 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai.	
2.7.31	Cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, xử lý ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện đối với đài tàu (trừ đài tàu hoạt động tuyến quốc tế)	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 30 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai.	
2.7.32	Cấp, cấp đổi, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, thu hồi giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện, xử lý đề nghị ngừng sử dụng tần số vô tuyến điện đối với mạng thông tin vô tuyến điện nội bộ	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 31 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai.	
2.7.33	Cấp, cấp đổi, thu hồi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện cấp chứng chỉ vô tuyến điện nghiệp dư	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 32 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai.	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.7.34	Cấp, cấp đổi, thu hồi giấy công nhận tổ chức đủ điều kiện đào tạo, cấp chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 33 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai.	
2.7.35	Cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 51 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai	
2.7.36	Cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động kiểm định chất lượng sản phẩm, hàng hóa trong quá trình sử dụng	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 52 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai	
2.7.37	Cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giám định chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 53 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai	
2.7.38	Cấp mới, cấp bổ sung, sửa đổi và cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận sản phẩm, hệ thống quản lý	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 54 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai	
2.7.39	Kiểm tra hoạt động đánh giá sự phù hợp của tổ chức đánh giá sự phù hợp	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Điều 55 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP - Quyết định số 08/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Gia Lai	
2.7.40	Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức đánh giá sự phù hợp	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 56 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.7.41	Chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 4 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN	
2.7.42	Điều chỉnh quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 5 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN	
2.7.43	Hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận chuẩn đo lường dùng trực tiếp để kiểm định phương tiện đo nhóm 2	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 6 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN	
2.7.44	Chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 7 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN	
2.7.45	Điều chỉnh nội dung của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường, cấp lại thẻ	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 8 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN	
2.7.46	Hủy bỏ hiệu lực của quyết định chứng nhận, cấp thẻ kiểm định viên đo lường	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 9 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN	
2.7.47	Cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 10 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN	
2.7.48	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 đối với cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước cho tổ chức tư vấn, chuyên gia tư vấn độc lập, tổ chức chứng nhận; cấp bổ sung thẻ chuyên gia tư vấn, thẻ chuyên gia đánh giá cho tổ chức tư vấn, tổ chức chứng nhận; cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện đào tạo về tư vấn, đánh giá Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 cho chuyên gia tư vấn, đánh giá thực hiện tư vấn, đánh giá tại cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 11 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN	
2.7.49	Cấp Thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố đủ năng lực thực hiện hoạt động đào tạo	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 12 Thông tư số 07/2025/TT-BKHCN	
2.7.50	Việc ghi nhận tổ chức đáp ứng điều kiện kinh doanh dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 5 Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.51	Việc ghi nhận cá nhân đáp ứng điều kiện hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 6 Nghị định 133/NĐ-CP	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.7.52	Việc xóa tên tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 7 Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.53	Việc xóa tên người đại diện sở hữu công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 8 Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.54	Quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 9 Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.55	Xử lý đơn đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 10 Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.56	Cấp phó bản văn bằng bảo hộ và cấp lại văn bằng bảo hộ/phó bản văn bằng bảo hộ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 36 Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.57	Cấp phó bản, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 37 Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.58	Tổ chức kiểm tra nghiệp vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 38 Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.59	Cấp, cấp lại, thu hồi Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 39 Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.60	Ghi nhận thay đổi thông tin của tổ chức dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 40 Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.61	Chấm dứt quyền sử dụng sáng chế theo quyết định bắt buộc	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 41 Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.62	Ghi nhận việc sửa đổi nội dung, gia hạn, chấm dứt trước thời hạn hiệu lực hợp đồng chuyển quyền sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 42 Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.63	Kiểm tra nghiệp vụ giám định sở hữu công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 43 Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.64	Cấp, cấp lại, thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 44 Nghị định 133/NĐ-CP	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.7.65	Cấp, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 110 Nghị định 65/2023/NĐ-CP	
2.7.66	Cấp giấy phép sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 45 Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.67	Thủ tục cấp Chứng chỉ nhân viên bức xạ cho người phụ trách an toàn trong sử dụng thiết bị chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 46 Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.68	Thủ tục khai báo thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET, (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 47 Nghị định 133/NĐ-CP	
2.7.69	Thủ tục Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 28 và Điều 60 Nghị định 142/NĐ-CP	
2.7.70	Thủ tục Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 28 và Điều 60 Nghị định 142/NĐ-CP	
2.7.71	Thủ tục Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 28 và Điều 60 Nghị định 142/NĐ-CP	
2.7.72	Thủ tục Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 28 và Điều 60 Nghị định 142/NĐ-CP	
2.7.73	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 28 và Điều 60 Nghị định 142/NĐ-CP	
2.7.74	Thủ tục Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 28 và Điều 60 Nghị định 142/NĐ-CP	
2.7.75	Thủ tục Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 28 và Điều 60 Nghị định 142/NĐ-CP	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.7.76	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - sử dụng thiết bị bức xạ chụp cắt lớp vi tính tích hợp với PET (PET/CT), tích hợp với SPECT (SPECT/CT); thiết bị bức xạ phát tia X trong phân tích huỳnh quang tia X, phân tích nhiễu xạ tia X, soi bo mạch, soi hiển vi điện tử, soi kiểm tra an ninh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	Quyết định Ủy quyền của UBND tỉnh	Quý IV/2025	- Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09/12/2020 - Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025	
2.8	Sở Ngoại vụ						
2.8.1	UBND tỉnh ủy quyền Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan có ý kiến, gửi Ủy ban Công tác về các tổ chức PCPNN thẩm định về hồ sơ cấp, gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, chấm dứt hoạt động của các tổ chức PCPNN khi được yêu cầu trừ các trường hợp các tổ chức PCPNN được đánh giá có hoạt động an ninh chính trị phức tạp, nhạy cảm, báo cáo UBND tỉnh	Sở Ngoại vụ	Công an tỉnh, cơ quan, đơn vị, địa phương	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Năm 2025	- Khoản 2 các Điều: 24, 12, 16; - Khoản 3 các Điều: 11,13, 15, 17 của Nghị định số 58/2022/NĐ-CP ;	
2.8.2	Ủy quyền cho Sở Ngoại vụ trao đổi trực tiếp các vụ việc lãnh sự thông thường, ít phức tạp với cơ quan đại diện nước ngoại tại Việt Nam	Sở Ngoại vụ	Các cơ quan, đơn vị, địa phương	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Năm 2025	Điểm d Khoản 9 Điều 3 Thông tư số 09/2025/TT-BNG ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao; Công văn số 4968/BNG-LS ngày 07/12/2017 của Bộ Ngoại giao	Sở Ngoại vụ đã có tờ trình số 273/TTr-SNgV ngày 11/8/2025 và Công văn số 343/SNgV-LS&QLBG ngày 19/8/2025
2.9	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch						
2.9.1	UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp, điều chỉnh và thu hồi Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ Karaoke và dịch vụ vũ trường	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Nội vụ, Sở Tư pháp	Quyết định của UBND tỉnh	Đã hoàn thành (Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 20/8/2025)	- Điều 9 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung năm 2024)	
2.9.2	UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch giải quyết thủ tục hành chính và một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trên lĩnh vực Nghệ thuật biểu diễn trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Nội vụ, Sở Tư pháp	Quyết định của UBND tỉnh	Đã hoàn thành (Quyết định số 1490/QĐ-UBND ngày 19/8/2025)	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương - Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020	
2.10	Sở Nông nghiệp và Môi trường						

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.10.1	UBND tỉnh ủy quyền cho Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại, cấp thuận trả lại, tạm dừng, đình chỉ, thu hồi Giấy phép thăm dò nước dưới đất; tổ chức đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước mặt, nước biển thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định của UBND tỉnh	<i>Đã hoàn thành</i> <i>(Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 17/7/2025)</i>	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; - Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023; - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 .	

Bảng 3: Danh mục một số nhiệm vụ quản lý nhà nước do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phân cấp, ủy quyền

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
III	THẨM QUYỀN CỦA CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND) TỈNH						
1	Phân cấp						
1.1	Sở Tài chính						
1.1.1	Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh	Sở Tài chính	Các Sở, ngành và UBND các phường, xã	Quyết định	Năm 2025	Điều 6, 14, 17, 20, 22, 28, 32, 34, 46, 50, 52, 56, 57, 58, 59, 60, 61, 67, 68, 69, 70, 71, 72, 91, 93 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025	
1.2	Sở Tư pháp						
1.2.1	Thu hồi, hủy bỏ giấy tờ hộ tịch, nội dung đăng ký hộ tịch do cơ quan đăng ký hộ tịch cấp, đăng ký trái quy định pháp luật được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 69, điểm h khoản 1 Điều 70 của Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 và giấy tờ hộ tịch, nội dung đăng ký hộ tịch do Sở Tư pháp cấp, đăng ký trước đây trái quy định pháp luật, trừ trường hợp kết hôn trái pháp luật theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13.	Sở Tư pháp	UBND xã, phường và cơ quan, tổ chức có liên quan	Quyết định	Đã thực hiện đến bước lấy ý kiến thành viên UBND tỉnh theo quy trình ban hành VBQPPL	- Khoản 1 Điều 13 và khoản 18 Điều 17 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; - Khoản 3 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15; - Điểm h khoản 1 Điều 70 Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13; - Điều 13 Thông tư số 01/2022/TT-BTP; - Điều 6 Thông tư số 08/2025/TT-BTP.	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
1.2.2	Xem xét, phê duyệt các đề nghị xóa dữ liệu hộ tịch điện tử hợp lệ của UBND cấp xã; cho phép khôi phục lại dữ liệu hộ tịch điện tử trước khi điều chỉnh, xóa bỏ theo văn bản, quyết định có hiệu lực pháp luật cho phép khôi phục lại trên Phần mềm đăng ký, quản lý hộ tịch điện tử dùng chung quy định tại khoản 3 Điều 13 của Thông tư số 01/2022/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến						
1.3	Sở Khoa học và Công nghệ						
1.3.1	Chủ tịch UBND tỉnh phân cấp cho Sở Khoa học và Công nghệ quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Cụ thể: (1) Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; (2) Hội đồng tư vấn tuyển chọn và Tổ chuyên gia; (3) Hội đồng khoa học và công nghệ chuyên ngành đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ngành, địa phương liên quan	Quyết định của UBND tỉnh	Quý IV/2025	Khoản 1 Điều 7; Khoản 1, khoản 5 Điều 13; khoản 1 Điều 25 Thông tư số 09/2024/TT-BKHCN ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	
2	Ủy quyền						
2.1	Sở Tài chính						
2.1.1	Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của cấp quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công đối với chương trình, dự án đầu tư công đã được UBND cấp huyện quyết định đầu tư	Sở Tài chính		Quyết định	Năm 2025	Điểm a, Khoản 3, Điều 7 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP.	
2.1.2	Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, thẩm quyền của cấp phê duyệt dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch đối với dự toán nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư, nhiệm vụ quy hoạch đã được UBND cấp huyện phê duyệt.	Sở Tài chính		Quyết định	Năm 2025	Điểm c, Khoản 3, Điều 7 Nghị định số 125/2025/NĐ-CP.	
2.2	Sở Xây dựng						

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.2.1	Thành lập Ban cưỡng chế thu hồi nhà ở xã hội quy định tại khoản 2 Điều 55 Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội	Sở Xây dựng	UBND cấp xã	Quyết định	Đã trình UBND tỉnh tại Tờ trình số 17/TTr-SXD ngày 16/7/2025	Nghị định số 140/2025/NĐ-CP	
2.2.2	Quyết định về việc ủy quyền phê duyệt dự án	Sở Xây dựng	Các cơ quan chuyên môn, Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, UBND cấp xã	Quyết định	Năm 2025	Điểm b khoản 7 Điều 89 Luật Đầu tư công năm 2024 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025)	
2.3	Sở Khoa học và Công nghệ						
2.3.1	Cấp giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định Ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 48 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP	
2.3.2	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định Ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 49 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP	
2.3.3	Chấm dứt hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường	Sở Khoa học và Công nghệ		Quyết định Ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh	Quý IV/2025	Điều 50 Nghị định số 133/2025/NĐ-CP	
2.4	Sở Nội vụ						
2.4.1	Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nội vụ có ý kiến bằng văn bản về việc tổ chức đại hội đối với các hội quần chúng	Sở Nội vụ	Cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Năm 2025	Khoản 11 Điều 19 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.4.2	Ủy quyền Giám đốc Sở Nội vụ thông báo việc tổ chức đại hội của hội đã đảm bảo theo quy định của pháp luật và điều lệ hội đối với các hội quần chúng cấp tỉnh.	Sở Nội vụ	Cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Năm 2025	Khoản 6 Điều 21 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP	
2.4.3	Ủy quyền người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh (cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của hội) xử lý thủ tục quyết định công nhận ban vận động thành lập hội.	Cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội dự kiến hoạt động	Sở Nội vụ	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Năm 2025	Khoản 4 Điều 24 và Khoản 1 và 2 Điều 44 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP	
2.5	Sở Nông nghiệp và Môi trường						
2.5.1	Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết 22 thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường		Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Đã hoàn thành (Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 17/7/2025)	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; - Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025; - Quyết định số 2286/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.5.2	Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường cấp, bổ sung, sửa đổi, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu theo phân cấp đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định tại khoản 1 và điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 11 Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh	Trình cấp thẩm quyền ban hành Quyết định trong năm 2025-2026	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; - Nghị định 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.	
2.5.3	Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá (1.004929)	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, địa phương, đơn vị liên quan	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết 10 TTHC cho tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực thủy sản	Năm 2025	- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; - Khoản 4 Điều 18 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Điều 8 Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.5.4	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu hoặc để hợp tác quốc tế) (1.003851)					- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; - Khoản 4 Điều 19 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Điều 11 Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	
2.5.5	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (1.003741)					- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; - Khoản 5 Điều 18 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Điều 9 Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.5.6	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (1.003726)					- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; - Khoản 5 Điều 18 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Điều 10 Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	
2.5.7	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản (1.004943)					- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; - Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Điều 4 Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.5.8	Cấp giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm (1.004794)					- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; - Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Điều 5 Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	
2.5.9	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (1.004683)					- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; - Khoản 2 Điều 19 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Điều 4 Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.5.10	Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đồng thời trong và ngoài 06 hải lý) (1.004678)					- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; - Khoản 3 Điều 18 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 37/2024/NĐ-CP ngày 04/4/2024; - Quyết định số 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	
2.5.11	Cấp, cấp lại, gia hạn lại giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (1.004669)					- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; - Khoản 3 Điều 19 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Điều 7 Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
2.5.12	Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm (2.001694)					- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; - Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025; - Điều 3 Thông tư số 10/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường; - Quyết định 2310/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	
2.6	Sở Y tế						
2.6.1	Tổ chức việc tiếp nhận kê khai giá thuốc theo quy định tại Luật Giá và các văn bản hướng dẫn Luật Giá; có chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển hệ thống cung ứng thuốc, cơ sở bán lẻ thuốc lưu động ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.	Sở Y tế	Sở Tài chính	Quyết định	01 năm kể từ khi Quyết định ủy quyền của UBND tỉnh có hiệu lực	Khoản 2 Điều 130 Nghị định số 163/2025/NĐ-CP	
2.7	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh						
2.7.1	Ủy quyền cho Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp tục thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước về lĩnh vực bảo vệ môi trường trong Khu kinh tế và các Khu công nghiệp thuộc phạm vi thẩm quyền của UBND tỉnh	Ban Quản lý KKT		Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	<i>Đã hoàn thành</i> (Quyết định số 1532/QĐ-UBND ngày 22/8/2025)		
2.8	Sở Công Thương						
2.8.1	Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở Công Thương xem xét, phê duyệt kế hoạch kiểm tra định kỳ năm tiếp theo của Chi cục Quản lý thị trường	Sở Công Thương		Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Quý IV/2025	Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 45/2025/TT-BCT ngày 15/7/2025 của Bộ Công Thương.	

Bảng 4: Danh mục một số nhiệm vụ quản lý nhà nước do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền

TT	Nhiệm vụ, quyền hạn đề xuất phân cấp, ủy quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian thực hiện	Cơ sở pháp lý	Ghi chú
IV	THẨM QUYỀN CỦA CƠ QUAN CHUYÊN MÔN THUỘC ỦY BAN NHÂN DÂN (UBND) TỈNH						
1	Sở Xây dựng						
1.1	Sở Xây dựng ủy quyền cho UBND cấp xã trách nhiệm thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch chung xã cho cơ quan chuyên môn có chức năng quản lý quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc UBND cấp xã	Sở Xây dựng	UBND cấp xã	Quyết định	Tháng 8/2025	Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ	